

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **4800** /UBND-KGVX
V/v góp ý dự thảo Thông tư của
Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Đắk Nông, ngày **26** tháng 8 năm 2021

Kính gửi: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Thực hiện Công văn số 2996/BVHTTDL-TCCB ngày 19/8/2021 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc góp ý dự thảo Thông tư (*Gửi kèm*);

Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

1. Giao Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các đơn vị, địa phương liên quan nghiên cứu và góp ý đối với dự thảo Thông tư quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức chuyên ngành văn hóa cơ sở.

2. Văn bản góp ý, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện theo quy định tại Điều 3 Quyết định số 193/QĐ-UBND ngày 25/01/2017 ban hành Quy định về một số nội dung triển khai thực hiện Quy chế làm việc của UBND tỉnh Đắk Nông nhiệm kỳ 2016-2021, bảo đảm thời gian theo yêu cầu của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Công văn nêu trên, báo cáo kết quả thực hiện về Ủy ban nhân dân tỉnh **trước ngày 07/9/2021**.

Nhận được văn bản này, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX (H).

**TL. CHỦ TỊCH
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



Nguyễn Thị Chín



BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2996 /BVHTTDL-TCCB

V/v góp ý dự thảo Thông tư quy định mã số,
tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương
viên chức chuyên văn hóa cơ sở

Hà Nội, ngày 19 tháng 8 năm 2021

Kính gửi:

- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Thực hiện kế hoạch xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2021, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức xây dựng dự thảo Thông tư quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức chuyên ngành văn hóa cơ sở thay thế Thông tư liên tịch số 06/2016/TTLT-BVHTTDL-BNV ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành văn hóa cơ sở.

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch gửi dự thảo Thông tư nêu trên tới Quý cơ quan để tham gia ý kiến góp ý. Văn bản góp ý xin gửi về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (qua Vụ Tổ chức cán bộ), số 51 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội, đồng thời gửi file word về hòm thư: thanhtran0318@gmail.com trước ngày 07/9/2021 để tổng hợp, hoàn thiện và ban hành Thông tư.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý cơ quan. / *CTB*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Thứ trưởng Tạ Quang Đông;
- Vụ trưởng Vụ TCCB;
- Lưu: VT, Vụ TCCB.

KT. BỘ TRƯỞNG
TRƯỞNG



Tạ Quang Đông

Số: /2021/TT-BVHTTDL

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

DỰ THẢO

THÔNG TƯ

**Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp
và xếp lương viên chức chuyên ngành văn hoá cơ sở**

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 79/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ;

Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành văn hóa cơ sở.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức chuyên ngành văn hóa cơ sở.

2. Thông tư này áp dụng đối với viên chức chuyên ngành văn hóa cơ sở làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 2. Mã số và phân hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành văn hóa cơ sở

1. Chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành văn hóa cơ sở bao gồm: Nhóm chức danh phương pháp viên và nhóm chức danh hướng dẫn viên văn hóa.

2. Nhóm chức danh Phương pháp viên, bao gồm:

a) Phương pháp viên hạng I

Mã số:

- | | |
|------------------------------|-------------------|
| b) Phương pháp viên hạng II | Mã số: V.10.06.19 |
| c) Phương pháp viên hạng III | Mã số: V.10.06.20 |
| d) Phương pháp viên hạng IV | Mã số: V.10.06.21 |

3. Nhóm chức danh Hướng dẫn viên văn hóa, bao gồm:

- | | |
|------------------------------------|-------------------|
| a) Hướng dẫn viên văn hoá hạng II | Mã số: V.10.07.22 |
| b) Hướng dẫn viên văn hoá hạng III | Mã số: V.10.07.23 |
| c) Hướng dẫn viên văn hoá hạng IV | Mã số: V.10.07.24 |

Điều 3. Tiêu chuẩn chung về đạo đức nghề nghiệp

1. Có tinh thần trách nhiệm cao với công việc được giao, tuân thủ các quy định của pháp luật, thực hiện đúng và đầy đủ các nghĩa vụ của viên chức trong hoạt động nghề nghiệp.

2. Tâm huyết với nghề, trung thực, khách quan, thẳng thắn, làm việc khoa học, có chính kiến rõ ràng; thái độ khiêm tốn, đúng mực khi tiếp xúc với nhân dân; có ý thức đấu tranh với những hành vi sai trái, tiêu cực; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

3. Có tinh thần đoàn kết, tích cực, chủ động phối hợp với đồng nghiệp thực hiện nhiệm vụ được giao.

4. Không ngừng học tập, rèn luyện nâng cao phẩm chất, trình độ, năng lực.

Chương II

TIÊU CHUẨN CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC

Điều 4. Phương pháp viên hạng I - Mã số:

1. Nhiệm vụ:

a) Chủ trì xây dựng kế hoạch hoạt động dài hạn, trung hạn, hàng năm về văn hóa cơ sở của đơn vị và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt;

b) Biên soạn tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ, phương pháp công tác, kịch bản sinh hoạt cho các thiết chế văn hóa về văn hóa nghệ thuật quần chúng có quy mô và phạm vi hoạt động cấp tỉnh và cấp quốc gia;

c) Chủ trì nghiên cứu, thử nghiệm các mô hình, mẫu hình hoạt động cho các thiết chế văn hóa về văn hóa nghệ thuật quần chúng có quy mô và phạm vi hoạt động cấp tỉnh và cấp quốc gia; tham gia nghiên cứu, ứng dụng các thành tựu của khoa học và công nghệ trong hoạt động văn hóa cơ sở;

d) Chủ trì tổ chức dàn dựng, điều hành các chương trình, kịch bản cho các liên hoan, hội thi, hội diễn và các hoạt động văn hóa nghệ thuật quần chúng có quy mô khu vực hoặc toàn quốc;

đ) Theo dõi, hướng dẫn nghiệp vụ cho thiết chế văn hóa có quy mô và phạm vi hoạt động cấp tỉnh; đánh giá, đề xuất, phổ biến áp dụng kinh nghiệm cho các thiết chế văn hóa trong cả nước;

e) Tham gia xây dựng hoàn thiện thể chế hoặc văn bản quy phạm pháp luật, các chủ trương, chính sách, chiến lược về văn hóa cơ sở;

g) Xây dựng nội dung chương trình, biên soạn tài liệu hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ và tổ chức bồi dưỡng, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ cho phương pháp viên hạng dưới.

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên ngành, chuyên ngành về văn hóa học, văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam, quản lý văn hóa hoặc các chuyên ngành khác có liên quan;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh phương pháp viên hạng I.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

a) Nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về hoạt động văn hóa cơ sở;

b) Am hiểu đặc điểm lịch sử, văn hóa, xã hội của từng vùng, miền và toàn quốc;

c) Có kiến thức toàn diện về hoạt động văn hóa cơ sở;

d) Có năng lực phân tích, tổng hợp, hệ thống hóa và đề xuất, tham mưu hoạch định chính sách, xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, đề án, chương trình về hoạt động văn hóa cơ sở;

đ) Có năng lực tổ chức chỉ đạo thực hiện nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật để cải tiến và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác văn hóa cơ sở;

e) Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin và có khả năng sử dụng ngoại ngữ hoặc sử dụng tiếng dân tộc thiểu số để thực hiện nhiệm vụ được giao.

4. Yêu cầu đối với viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phương pháp viên hạng I:

a) Có thời gian công tác giữ chức danh nghề nghiệp phương pháp viên hạng II hoặc tương đương từ đủ 06 năm trở lên, trong đó thời gian gần nhất giữ chức danh nghề nghiệp phương pháp viên hạng II tối thiểu 01 năm (đủ 12 tháng) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng;

b) Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp phương pháp viên hạng II hoặc tương đương đã tham gia nghiên cứu, xây dựng ít nhất 01 đề tài, đề án, dự án, chương trình nghiên cứu khoa học, văn bản quy phạm pháp luật, văn bản nghiệp vụ, sáng kiến cải tiến kỹ thuật trong lĩnh vực văn hóa cơ sở từ cấp cơ sở trở lên đã được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc nghiệm thu.

Điều 5. Phương pháp viên hạng II - Mã số: V.10.06.19

1. Nhiệm vụ:

a) Chủ trì xây dựng kế hoạch hoạt động dài hạn, trung hạn, hàng năm về hoạt động nghiệp vụ văn hóa cơ sở được giao và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt;

b) Biên soạn chương trình hoạt động, tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ, phương pháp công tác, kịch bản sinh hoạt cho các thiết chế văn hóa về văn hóa nghệ thuật quần chúng có quy mô và phạm vi hoạt động từ cấp huyện đến cấp tỉnh;

c) Trực tiếp dàn dựng các chương trình, kịch bản cho các liên hoan, hội thi, hội diễn và các hoạt động văn hóa nghệ thuật quần chúng với quy mô cấp tỉnh, ngành;

d) Chủ trì hoặc tham gia tổ chức, chuẩn bị nội dung liên hoan, hội nghị, hội thảo về nghiệp vụ, phương pháp hoạt động văn hóa nghệ thuật quần chúng;

đ) Theo dõi, hướng dẫn nghiệp vụ cho thiết chế văn hóa trên địa bàn; đánh giá, đề xuất, phổ biến áp dụng kinh nghiệm giữa các thiết chế văn hóa;

e) Tham gia xây dựng nội dung chương trình, biên soạn tài liệu hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ và tham gia bồi dưỡng, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ cho phương pháp viên hạng dưới..

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên ngành, chuyên ngành về văn hóa học, văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam, quản lý văn hóa hoặc các chuyên ngành khác có liên quan;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh phương pháp viên hạng II.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

a) Nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về văn hóa cơ sở;

b) Nắm vững đặc điểm lịch sử, văn hóa, xã hội của từng vùng, miền;

c) Am hiểu các phương pháp quản lý; có kinh nghiệm về công tác tổ chức và hoạt động của các thiết chế văn hóa;

d) Có năng lực phân tích, tổng hợp, hệ thống hóa và đề xuất các giải pháp để hoàn thiện những vấn đề được giao tham mưu, quản lý;

đ) Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin và khả năng sử dụng ngoại ngữ hoặc sử dụng tiếng dân tộc thiểu số để thực hiện nhiệm vụ được giao.

4. Yêu cầu đối với viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phương pháp viên hạng II:

Có thời gian công tác giữ chức danh nghề nghiệp phương pháp viên hạng III hoặc tương đương từ đủ 09 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc), trong đó thời gian gần nhất giữ chức danh nghề nghiệp phương pháp viên hạng III tối thiểu 01 năm (đủ 12 tháng) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.

Điều 6. Phương pháp viên hạng III - Mã số: V.10.06.20

1. Nhiệm vụ:

- a) Xây dựng kế hoạch hàng năm về nhiệm vụ chuyên môn đang đảm nhiệm và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt;
- b) Dàn dựng các chương trình, cuộc thi, hội diễn và các hoạt động văn hóa, văn nghệ khác với quy mô cấp quận, huyện;
- c) Theo dõi hoạt động của các thiết chế văn hóa trên địa bàn để hướng dẫn giúp đỡ về chuyên môn; tổng kết kinh nghiệm để áp dụng cho các thiết chế văn hóa khác.
- d) Tham gia tổ chức và chuẩn bị một số nội dung của các hội nghị, hội thảo về nghiệp vụ; tham gia tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn, các hoạt động đội, nhóm, câu lạc bộ sở thích, rèn luyện kỹ năng phát triển năng khiếu cho các đối tượng;

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

- a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên ngành, chuyên ngành về văn hóa học, văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam, quản lý văn hóa hoặc các chuyên ngành khác có liên quan;
- b) Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh phương pháp viên hạng III (trừ trường hợp tốt nghiệp đại học trở lên một trong các ngành hoặc chuyên ngành về văn hóa học, văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam, quản lý văn hóa).

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

- a) Nắm được chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về văn hóa cơ sở;
- b) Có kiến thức cơ bản về quản lý công tác văn hóa cơ sở và kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực được phân công quản lý;
- c) Có hiểu biết về đặc điểm lịch sử văn hóa, xã hội trên địa bàn được phân công quản lý;
- d) Có kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực văn hóa cơ sở;
- đ) Có năng lực phân tích, tổng hợp những vấn đề được giao tham mưu, quản lý;
- e) Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin và có khả năng sử dụng ngoại ngữ hoặc sử dụng tiếng dân tộc thiểu số để thực hiện nhiệm vụ được giao.

4. Yêu cầu đối với viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phương pháp viên hạng III:

Có thời gian công tác giữ chức danh nghề nghiệp phương pháp viên hạng IV và tương đương từ đủ 02 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc) đối với trình độ cao đẳng hoặc từ đủ 03 năm trở lên (không kể thời gian tập sự,

thứ việc) đối với trình độ trung cấp, trong đó thời gian gần nhất giữ chức danh nghề nghiệp phương pháp viên hạng IV tối thiểu 01 năm (đủ 12 tháng) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.

Điều 7. Phương pháp viên hạng IV - Mã số: V.10.06.21

1. Nhiệm vụ:

a) Tham gia hướng dẫn thể nghiệm một số mô hình, mẫu hình hoạt động của thiết chế văn hóa trong phạm vi công việc được giao;

b) Thực hiện các công việc được phân công về dàn dựng các chương trình, hội thi, hội diễn, các hoạt động văn hóa, văn nghệ quần chúng khác của thiết chế văn hóa;

c) Theo dõi hoạt động của các thiết chế văn hóa trong lĩnh vực văn hóa, văn nghệ thuộc địa bàn quản lý để hướng dẫn về chuyên môn.

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

Có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên ngành, chuyên ngành về văn hóa học, văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam, quản lý văn hóa hoặc các chuyên ngành khác có liên quan.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

a) Biết phương pháp tổ chức và triển khai thực hiện các hoạt động văn hóa, nghệ thuật được phân công;

b) Có kiến thức cơ bản về công tác văn hóa cơ sở và các bộ môn văn hóa, nghệ thuật liên quan.

d) Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin để thực hiện nhiệm vụ được giao.

Điều 8. Hướng dẫn viên văn hóa hạng II - Mã số: V.10.07.22

1. Nhiệm vụ:

a) Chủ trì xây dựng kế hoạch hoạt động dài hạn, trung hạn, hàng năm và hoạt động nghiệp vụ văn hóa cơ sở được giao và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt;

b) Xây dựng kế hoạch, tổ chức và hướng dẫn quần chúng tham gia một trong các hoạt động của thiết chế văn hóa, bao gồm: lớp năng khiếu, sinh hoạt câu lạc bộ, tham quan, nghi lễ, biểu diễn văn nghệ và các hoạt động khác đảm bảo theo đúng định hướng và nội dung tư tưởng đạt hiệu quả cao;

c) Chủ trì hướng dẫn các cơ sở cấp dưới thực hành chương trình chuyên môn có tính chất mẫu, ứng dụng các phương pháp công tác tiên tiến;

d) Lập kế hoạch, tổ chức bồi dưỡng và hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ cho các hướng dẫn viên văn hóa hạng dưới;

đ) Tham gia tổ chức các hoạt động văn hóa quần chúng vào ngày lễ, hội hoặc sự kiện quan trọng; tổ chức và tham gia các cuộc tọa đàm, hội nghị, hội diễn chuyên đề thuộc phạm vi chuyên môn, nghiệp vụ được phân công.

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên ngành, chuyên ngành về văn hóa học, văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam, quản lý văn hóa hoặc các chuyên ngành khác có liên quan;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh hướng dẫn viên văn hóa hạng II.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

a) Nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về văn hóa cơ sở;

b) Nắm vững các hình thức và phương pháp tiến hành công tác văn hóa quần chúng và câu lạc bộ; nguyên lý sư phạm và những kỹ năng, phương pháp hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ;

c) Am hiểu công tác văn hóa cơ sở thuộc lĩnh vực được phân công phụ trách;

d) Có kinh nghiệm hướng dẫn hoạt động nghiệp vụ; có năng lực phân tích, tổng hợp, hệ thống hóa và đề xuất các giải pháp để hoàn thiện những vấn đề được giao tham mưu, quản lý;

đ) Sử dụng thành thạo các phương tiện kỹ thuật phục vụ cho công tác chuyên môn;

e) Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin và khả năng sử dụng ngoại ngữ hoặc sử dụng tiếng dân tộc thiểu số để thực hiện nhiệm vụ được giao.

4. Yêu cầu đối với viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hướng dẫn viên hạng II:

Có thời gian công tác giữ chức danh nghề nghiệp hướng dẫn viên hạng III hoặc tương đương từ đủ 09 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc), trong đó thời gian gần nhất giữ chức danh nghề nghiệp hướng dẫn viên hạng III tối thiểu 01 năm (đủ 12 tháng) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.

Điều 9. Hướng dẫn viên văn hoá hạng III - Mã số: V.10.07.23

1. Nhiệm vụ:

a) Tham gia xây dựng kế hoạch, chương trình, nội dung và các tài liệu hướng dẫn hoạt động phù hợp với đối tượng được giao;

b) Trực tiếp hướng dẫn quần chúng tham gia một trong các hoạt động của thiết chế văn hóa, bao gồm: lớp năng khiếu, sinh hoạt câu lạc bộ, tham quan, nghi lễ, biểu diễn văn nghệ quần chúng và các hoạt động khác đảm bảo theo đúng định hướng và nội dung tư tưởng đạt hiệu quả cao;

c) Thực hành các chương trình chuyên môn nhằm ứng dụng các phương pháp công tác tiên tiến cho cơ sở;

d) Tham gia tổ chức các hoạt động văn hóa quần chúng nhân các ngày lễ, ngày hội, tham gia các cuộc tọa đàm, trao đổi ý kiến về chuyên môn, nghiệp vụ.

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên ngành, chuyên ngành về văn hóa học, văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam, quản lý văn hóa hoặc các chuyên ngành khác có liên quan;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh hướng dẫn viên văn hóa hạng III (trừ trường hợp tốt nghiệp đại học trở lên một trong các ngành hoặc chuyên ngành về văn hóa học, văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam, quản lý văn hóa).

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

a) Nắm được chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về văn hóa cơ sở;

b) Nắm được các hình thức và phương pháp tiến hành công tác văn hóa quần chúng và câu lạc bộ; nguyên lý sư phạm và những kỹ năng, phương pháp hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ;

c) Có kiến thức cơ bản về công tác văn hóa cơ sở thuộc lĩnh vực được phân công phụ trách;

d) Có năng lực phân tích, tổng hợp những vấn đề được giao tham mưu, quản lý;

đ) Biết sử dụng các phương tiện kỹ thuật phục vụ cho hoạt động chuyên môn;

e) Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin và khả năng sử dụng ngoại ngữ hoặc sử dụng tiếng dân tộc thiểu số để thực hiện nhiệm vụ được giao.

4. Yêu cầu đối với viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hướng dẫn viên hạng III:

Có thời gian công tác giữ chức danh nghề nghiệp hướng dẫn viên hạng IV và tương đương từ đủ 02 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc) đối với trình độ cao đẳng hoặc từ đủ 03 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc) đối với trình độ trung cấp, trong đó thời gian gần nhất giữ chức danh nghề nghiệp hướng dẫn viên hạng IV tối thiểu 01 năm (đủ 12 tháng) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.

Điều 10. Hướng dẫn viên văn hoá hạng IV - Mã số: V.10.07.24

1. Nhiệm vụ:

a) Trực tiếp hướng dẫn quần chúng tham gia một trong các hoạt động của Nhà văn hóa, bao gồm: lớp năng khiếu, sinh hoạt câu lạc bộ, tham quan, nghi lễ, biểu diễn văn nghệ quần chúng và các hoạt động khác đảm bảo theo đúng phương hướng và hiệu quả;

b) Tham gia tổ chức các hoạt động văn hóa quần chúng nhân dịp các ngày lễ, ngày hội; tham gia các cuộc tọa đàm, trao đổi ý kiến về chuyên môn, nghiệp vụ;

c) Tham gia đề xuất các phương án nhằm bảo đảm an toàn trong các lớp tập huấn hướng dẫn nghiệp vụ.

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

a) Có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên ngành, chuyên ngành về văn hóa học, văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam, quản lý văn hóa hoặc các chuyên ngành khác có liên quan.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

a) Có kiến thức cơ bản về phương pháp hướng dẫn nghiệp vụ văn hóa cơ sở, nhà văn hóa;

b) Có kinh nghiệm hướng dẫn về chuyên môn trong lĩnh vực chuyên môn nghiệp vụ được phân công thực hiện;

c) Biết sử dụng các phương tiện kỹ thuật phục vụ cho chuyên môn nghiệp vụ được phân công;

d) Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin để thực hiện nhiệm vụ được giao.

Chương III

BỔ NHIỆM VÀ XẾP LƯƠNG THEO CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC CHUYÊN NGÀNH VĂN HÓA CƠ SỞ

Điều 11. Nguyên tắc bổ nhiệm và xếp lương theo chức danh nghề nghiệp đối với viên chức chuyên ngành văn hóa cơ sở

1. Việc bổ nhiệm và xếp lương vào các chức danh nghề nghiệp đối với viên chức chuyên ngành văn hóa cơ sở phải căn cứ vào vị trí việc làm, chức trách, nhiệm vụ, chuyên môn, nghiệp vụ đang đảm nhận của viên chức và theo quy định của pháp luật.

2. Khi bổ nhiệm và xếp lương từ chức danh nghề nghiệp hiện giữ vào chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành văn hóa cơ sở tương ứng không được kết hợp nâng bậc lương hoặc thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

Điều 12. Cách xếp lương

1. Các chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành văn hóa cơ sở quy định tại Thông tư này được áp dụng Bảng lương chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ, viên chức trong các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước (Bảng 3) ban hành kèm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang, cụ thể như sau:

a) Đối với chức danh nghề nghiệp phương pháp viên:

- Chức danh nghề nghiệp phương pháp viên hạng I được áp dụng ngạch lương của viên chức loại A3, nhóm 2 (A3.2), từ hệ số lương 5,75 đến hệ số lương 7,55;

- Chức danh nghề nghiệp phương pháp viên hạng II được áp dụng ngạch lương của viên chức loại A2, nhóm 2 (A2.2), từ hệ số lương 4,00 đến hệ số lương 6,38;

- Chức danh nghề nghiệp phương pháp viên hạng III được áp dụng ngạch lương của viên chức loại A1, từ hệ số lương 2,34 đến hệ số lương 4,98;

- Chức danh nghề nghiệp phương pháp viên hạng IV được áp dụng ngạch lương của viên chức loại B, từ hệ số lương 1,86 đến hệ số lương 4,06.

b) Đối với chức danh nghề nghiệp hướng dẫn viên văn hóa:

- Chức danh nghề nghiệp hướng dẫn viên văn hóa hạng II được áp dụng ngạch lương của viên chức loại A2, nhóm 1 (A2.2), từ hệ số lương 4,00 đến hệ số lương 6,38.

- Chức danh nghề nghiệp hướng dẫn viên văn hóa hạng III được áp dụng ngạch lương của viên chức loại A1, từ hệ số lương 2,34 đến hệ số lương 4,98;

- Chức danh nghề nghiệp hướng dẫn viên văn hóa hạng IV được áp dụng ngạch lương của viên chức loại B, từ hệ số lương 1,86 đến hệ số lương 4,06.

2. Xếp lương khi hết thời gian tập sự và được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp:

Sau khi hết thời gian tập sự theo quy định và được cấp có thẩm quyền quản lý viên chức quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành văn hóa cơ sở thì thực hiện xếp bậc lương theo chức danh nghề nghiệp được bổ nhiệm như sau:

a) Trường hợp viên chức khi tuyển dụng có trình độ đào tạo tiến sĩ phù hợp với vị trí việc làm, được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp phương pháp viên hạng III hoặc hướng dẫn viên văn hóa hạng III: xếp bậc 3, hệ số lương 3,00, ngạch viên chức loại A1;

b) Trường hợp viên chức khi tuyển dụng có trình độ đào tạo thạc sĩ phù hợp với vị trí việc làm, được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp phương pháp viên hạng III hoặc hướng dẫn viên văn hóa hạng III: xếp bậc 2, hệ số lương 2,67, ngạch viên chức loại A1;

c) Trường hợp viên chức khi tuyển dụng có trình độ đào tạo đại học phù hợp với vị trí việc làm, được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp phương pháp viên hạng III hoặc hướng dẫn viên văn hóa hạng III xếp bậc 1, hệ số lương 2,34, ngạch viên chức loại A1;

d) Trường hợp viên chức khi tuyển dụng có trình độ đào tạo cao đẳng phù hợp với vị trí việc làm, được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp phương pháp viên hạng IV hoặc hướng dẫn viên văn hóa hạng IV: xếp bậc 2, hệ số lương 2,06, ngạch viên chức loại B;

đ) Trường hợp viên chức khi tuyển dụng có trình độ đào tạo trung cấp phù hợp với vị trí việc làm, được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp phương pháp viên hạng IV hoặc hướng dẫn viên văn hóa hạng IV: xếp bậc 1, hệ số lương 1,86, ngạch viên chức loại B.

3. Việc xếp lương chức danh nghề nghiệp thực hiện sau khi đã được cấp có thẩm quyền bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành văn hóa cơ sở quy định tại Thông tư này được thực hiện theo hướng dẫn tại Mục II Thông tư số 02/2007/TT-BNV ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Bộ Nội vụ hướng dẫn xếp lương khi nâng ngạch, chuyển ngạch, chuyển loại công chức, viên chức và theo quy định hiện hành của pháp luật.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 13. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này là căn cứ để thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức chuyên ngành văn hóa cơ sở làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập trực tiếp quản lý, sử dụng viên chức có trách nhiệm rà soát các vị trí việc làm của đơn vị; quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền bổ nhiệm các chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành văn hóa cơ sở theo thẩm quyền phân cấp.

3. Các cơ sở, tổ chức, đơn vị sự nghiệp ngoài công lập có thể áp dụng quy định tại Thông tư này để tuyển dụng, sử dụng và quản lý đội ngũ người làm việc về chuyên ngành văn hóa cơ sở.

Điều 14. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2021.

2. Thông tư liên tịch số 06/2016/TTLT-BVHTTDL-BNV ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành văn hóa cơ sở hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

3. Viên chức đã được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp chuyên ngành văn hóa cơ sở theo quy định của pháp luật từ trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì được xác định là đáp ứng quy định về tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành văn hóa cơ sở quy định tại Thông tư này tương ứng với chức danh nghề nghiệp đã được bổ nhiệm.

4. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản quy phạm pháp luật đã sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 15. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thực hiện Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị, cá nhân kịp thời phản ánh về Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch (qua Vụ Tổ chức cán bộ) để nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng Bộ VH TTDL;
- Các Tổng Cục, Cục, Vụ, đơn vị thuộc Bộ VH TTDL;
- Sở VH TTDL, Sở VH TT T T S L, Sở VH TT, Sở DL;
- Công báo; Công TTĐT Chính phủ: Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật;
- Công TTĐT Bộ VH TTDL;
- Lưu: VT, TCCB.

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Văn Hùng